TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:20/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 6 năm 2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thu Thương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tán Nghị
Ông Lê Thị Hoàng Thương

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan – là Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2023/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1984; Có mặt.
Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thanh T, sinh năm 1984; Có mặt
Cùng địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/11/2022 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Đặng Văn Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Huỳnh Thị Thanh T kết hôn năm 2007, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đ. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại tổ 9, thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khi gia đình vợ cho vợ chồng chúng tôi số tiền 450.000.000 đồng mua 01 chiếc xe ô tô để làm ăn. Do tình hình dịch covid-19 kéo dài công việc

chạy xe dịch vụ không được thuận lợi nhưng hằng ngày vợ tôi nói tôi phải đưa tiền, tôi không có tiền để đưa cho bà T nên bà T đã yêu cầu tôi trả lại xe ô tô và tôi cũng đã trả lại xe cho bà T. Ngoài ra bà T còn lấy hết tiền để dành của vợ chồng mang về nhà mẹ. Từ đó vợ chồng tôi thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế tiền bạc, mâu thuẫn kéo dài từ năm 2020 cho đến nay và ngày càng trầm trọng hơn, chúng tôi ở chung cùng một nhà nhưng giữa tôi và bà T không nói chuyện không ai quan tâm đến đời sống của nhau nữa. Nay về tình cảm tôi xác định không còn yêu thương bà T nên xin Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Huỳnh Thị Thanh T.

- Về quan hệ con chung: Tôi và bà Huỳnh Thị Thanh T có 02 con chung tên là Đặng Huỳnh T1, sinh ngày 12/05/2008 và Đặng Huỳnh Duy B, sinh ngày 24/9/2013. Ly hôn, tôi yêu cầu Tòa án giao 02 cho ông trực tiếp nuôi dưỡng không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Tôi xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Huỳnh Thị Thanh T trình bày:

Tôi thống với lời trình bày của ông Đặng Văn Đ về thời gian, địa điểm kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng chúng tôi không xảy ra mẫu thuẫn gì trầm trọng, vợ chồng vẫn sống chung một nhà cùng nuôi dạy các con. Vợ chồng có nói qua nói lại, nguyên nhân là do ông Đ ham chơi và nhậu nên tôi có nói ông Đ không lo làm ăn, lúc đó ông Đ tự trả xe ngoài ra tôi không mang tiền về nhà mẹ. Vợ chồng bắt đầu xích mích từ năm 2020 và bắt đầu trầm trọng từ tháng 5/2022. Con của tôi chuẩn bị thi chuyển cấp lên Trung học phổ thông, để tập trung cho việc thi cử sắp đến của con nên tôi không đồng ý ly hôn. Tôi không muốn vợ chồng ly hôn thì ảnh hưởng đến tương lai của các con, tôi muốn các con tôi có một mái ấm gia đình có cả cha và mẹ, không cho tôi ở chung nhà thì tôi chấp nhận ra ngoài thuê nhà. Về tình cảm tôi xác định còn yêu thương ông Đ nên tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Đặng Huỳnh T1, sinh ngày 12/05/2008 và Đặng Huỳnh Duy B, sinh ngày 24/9/2013. Tôi không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung. Trường hợp Tòa án cho chúng tôi ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giao cả 02 con cho tôi trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Vì ông Đ đi cả ngày thì không ai chăm con, bản thân tôi làm công nhân lương trung bình 01 tháng khoảng 7.000.000 đồng nên về thời gian và tài chính là đủ điều kiện nuôi cả 02 con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 02 CCCD (bản photo chứng thực), 02 giấy khai sinh của con (bản sao); Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn; Bản tự khai của con chung; Biên bản xác minh tại địa phương.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đặng Văn Đ; Xử cho ông Đặng Văn Đ được ly hôn bà Huỳnh Thị Thanh T, giao con Đặng Huỳnh T1, sinh ngày 12/05/2008 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao Đặng Huỳnh Duy B, sinh ngày 24/9/2013 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Án phí dân sự sơ thẩm ông Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

[2] Ông Đặng Văn Đ và bà Huỳnh Thị Thanh T xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đ. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hội đủ các điều kiện do Luật hôn nhân và gia đình quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, ông Đ cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp nên thường cãi nhau, tại thời điểm dịch bệnh covid-19 bùng phát, công việc chính của ông Đ là lái xe công nghệ nhưng vì dịch bệnh ông Đ không thể lái xe và không có thu nhập nên bà Thảo coi thường, vợ chồng suốt ngày cãi nhau về vấn đề kinh tế, mâu thuẫn không hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu được ly hôn. Theo bà T thì vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng, bà xác định còn tình cảm với ông Đ nên không đồng ý ly hôn. Qua xác minh tại địa phương thể hiện vợ chồng ông Đ và bà T mâu thuẫn từ lâu, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần ông Đ đánh bà T. Xét thấy, mâu

thuẫn vợ chồng giữa ông Đ và bà T đã trầm trọng không hòa giải được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ và xử cho ông Đ được ly hôn bà Huỳnh Thị Thanh T.

[3] Về con chung: Ông Đ và bà T xác định vợ chồng có 02 con chung tên là Đặng Huỳnh T1, sinh ngày 12/05/2008 và Đặng Huỳnh Duy B, sinh ngày 24/9/2013. Xét thấy các con hiện tại đang sống cùng với ông Đ và bà T, con Đặng Huỳnh T1 đã trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với ba và con Đặng Huỳnh Duy B đã trên 7 tuổi có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặc khác, với tính chất công việc va thu nhập của ông Đ, bà T thì không ai đủ điều kiện để nuôi cả 02 con nên HĐXX giao con Đặng Đặng Huỳnh T1 cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Đặng Huỳnh Duy B cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: ông Đ và bà T xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn ông Đ phải chịu là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)*.

[6] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Văn Đ đối với bà Huỳnh Thị Thanh T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Đặng Văn Đ được ly hôn bà Huỳnh Thị Thanh T.

Về con chung: Giao con Đặng Huỳnh T1, sinh ngày 12/05/2008 cho ông Đặng Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Đặng Huỳnh Duy B, sinh ngày 24/9/2013 cho bà Huỳnh Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* ông Đặng Văn Đ phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* ông Đ đã nộp tại biên lai thu số 0004715 ngày 21/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông Đ đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 16/6/2023.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND h. Hoà Vang;
- Chi cục THADS h. Hoà Vang;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ;

(Đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương